

Số: 406/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 8, ngày 12 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Điều 149, Điều 212, Điều 213, Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 334/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lâm Dũ K**, sinh năm 1984.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: **219/25/2 T, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.**

- Bà **Nguyễn Thị Kiều D**, sinh năm 1988.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: **219/25/2 T, Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại **Quận H** nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2018, đăng ký ngày 18/10/2018 tại **Ủy ban nhân dân Phường D1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**

thì quan hệ hôn nhân giữa ông **Lâm Dũ K** và bà **Nguyễn Thị Kiều D** là hợp pháp.

Căn cứ các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ Tòa án nhân dân Quận 8 nhận thấy:

Hôn nhân giữa ông **Lâm Dũ K** và bà **Nguyễn Thị Kiều D** là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Trong thời gian chung sống, ông **K** và bà **D** thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Điều này dẫn đến cuộc sống hôn nhân ngột ngạt, không hạnh phúc. Dù hai bên đã cố gắng nhiều lần hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không còn nữa, tình trạng hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông **Lâm Dũ K** và bà **Nguyễn Thị Kiều D** yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông **Lâm Dũ K** và bà **Nguyễn Thị Kiều D** có 02 con chung tên là **Lâm Ngọc Đ** (Nữ), sinh ngày 11/6/2015 và **Lâm Nhuận P** (N), sinh ngày 15/6/2019. Ngoài ra không có con chung nào khác.

Hai bên thỏa thuận giao các con chung cho ông **Lâm Dũ K** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông **Lâm Dũ K** không yêu cầu bà **D** cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Lâm Dũ K** và bà **Nguyễn Thị Kiều D** tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông **Lâm Dũ K** và bà **Nguyễn Thị Kiều D** cùng chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Lâm Dũ K** và bà **Nguyễn Thị Kiều D** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 58/2018, đăng ký ngày 18/10/2018 tại Ủy ban nhân dân Phường D1, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Ông **Lâm Dũ K** và bà **Nguyễn Thị Kiều D** có 02 con chung tên là **Lâm Ngọc Đ** (Nữ), sinh ngày 11/6/2015 và **Lâm Nhuận P** (N), sinh ngày 15/6/2019. Ngoài ra không có con chung nào khác.

Hai bên thỏa thuận giao con chung cho ông **Lâm Dũ K** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông **Lâm Dũ K** không yêu cầu bà **D** cấp dưỡng nuôi các con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Lâm Dũ K** và bà **Nguyễn Thị Kiều D** tự thỏa thuận và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông **Lâm Dũ K** và bà **Nguyễn Thị Kiều D** chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0000891 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông **K** và bà **D** đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS Quận 8;
- VKSND Quận 8;
- Ủy ban nhân dân Phường 4, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thu Hiền